QUẢNG NINH - HOÀNH BỒ, T.P. HẠ LONG

BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH

(ĐỀ SỐ 03)

424 405 | 424 500 | 426 000 | 427 000 | 427 146

2326 | 817 | 2325 | 000

đất trống | khu vực đang xây dựng | khu đang san lấp | đang xây dựng | nhà máy xi măng Thăng Long | Nm. xi măng Thăng Long | sân | cầu Lê Lợi | cầu Km6+900 | Tân Tiến | ao | cá | keo | táo | 220 KV | 35 KV | 22 KV

GPS-01 | GPS-02 | GPS-04 | GPS-05 | 119462 | 118445 | III/HP-MC12

Tỷ lệ 1:5000

1cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

Đường bình độ và điểm độ cao | Đường dây điện cao thế | Đường dây điện hạ thế | Đường nhựa có trục phân tuyến | Đường nhựa không có trục phân tuyến | Đường cấp phối, vỉa hè | Đường đất lớn | Đường đất nhỏ | Trường học; bệnh viện | Nhà độc lập chịu lửa | Tháp cổ; đình, chùa | Cây trồng thân gỗ thành rừng; không thành rừng | Màu; lúa | Cỏ thấp; cỏ cao | Rừng cây bụi; cây rải rác | Điểm tọa độ nhà nước | Điểm độ cao nhà nước | Điểm lưới GPS | Điểm lưới khống chế đo vẽ | Phạm vi công trình